

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – AN GIANG
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2025
V/v tranh chấp dân sự, vay
tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - AN GIANG, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tuấn và bà Cù Thị Ngọc Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2025/TLST-DS ngày 27/3/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2025/QĐST-DS ngày 29/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ: số C, đường N, phường L, thị xã T (nay là phường T), tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0949.437.666 (có mặt).

Bị đơn:

- Ông Phạm Long C, sinh năm 1970; địa chỉ: số nhà B, đường T, khóm L, phường L, thị xã T (nay là phường L), tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0948.449.111 (vắng mặt).

- Bà Ngô Lệ T1, sinh năm 1969; địa chỉ: số nhà B, đường T, khóm L, phường L, thị xã T (nay là phường L), tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0948.449.111 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày: Do ở chỗ quen biết với vợ chồng ông

Phạm Long C và bà T có cho vợ chồng ông C vay tiền từ năm 2019 – 2020 gồm 03 lần cụ thể như sau:

Lần 1: ngày 07/5/2019 vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

Lần 2: ngày 14/7/2020 vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

Lần 3: ngày 23/7/2020 vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Tổng cộng số tiền bà T cho ông C vay là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và được tính lãi suất 2%. Những lần vay tiền ông C có làm giấy biên nhận viết tay.

Ông C có đóng lãi suất cho bà T hàng tháng nhưng được khoảng 01 năm thì ông C ngưng đóng và đến đầu năm 2025 ông C bỏ trốn khỏi địa phương chặn mọi liên lạc với bà T đến nay.

Nay bà Phan Thị T yêu cầu ông Phạm Long C và và Ngô Lệ T1 trả cho bà T số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và lãi suất từ ngày 25/12/2022 cho đến khi kết thúc vụ án.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bản chính biên nhận ngày 07/5/2019, ngày 14/7/2020, ngày 23/7/2020.

Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 81/TB-TLVA ngày 27/3/2025 và các văn bản tố tụng khác cho ông Phạm Long C và và Ngô Lệ T1 nhưng ông C và bà T1 không đến tham gia tố tụng theo triệu tập, thông báo của Tòa án và không có văn bản trình bày cho Tòa án.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ:

Công an phường L (nay là phường L), tỉnh An Giang cung cấp: ông Phạm Long C, sinh năm 1970 và bà Ngô Lệ T1, sinh năm 1969 có đăng ký thường trú tại khóm K, phường L, thị xã T (nay là phường L), tỉnh An Giang. Hiện nay, ông C và bà T1 vắng mặt tại địa phương.

Ban khóm L, phường L, thị xã T (nay là phường L), tỉnh An Giang cung cấp: ông Phạm Long C, sinh năm 1970 và bà Ngô Lệ T1, sinh năm 1969 có đăng ký thường trú tại khóm K, phường L, thị xã T (nay là phường L), tỉnh An Giang, không sinh sống tại địa phương từ 02 năm nay. Gia đình ông C và bà T1 không có mặt ở nhà ở địa phương, căn nhà số B đường T, khóm L, phường L, thị xã T (nay là phường L), tỉnh An Giang thường xuyên đóng cửa.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu ông C và T1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn gốc 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc bà T yêu cầu bà Ngô Lệ T1 và ông Phạm Long C liên đới trả lãi suất từ ngày 25/12/2022 cho đến khi kết thúc vụ án và không yêu cầu tính lãi suất chậm trả giai đoạn thi hành án.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang, tỉnh An Giang chưa thu thập đầy đủ chứng cứ nên chưa có đủ cơ sở vững chắc để phát biểu về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Bà Phan Thị T khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản với ông Phạm Long C và bà Ngô Lệ T1 có đăng ký thường trú tại khóm L, phường L, thị xã T (nay là phường L), tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang) theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn được miễn tạm ứng án phí, Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Ông Phạm Long C và bà Ngô Lệ T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử.

** Về nội dung:*

[1] Hợp đồng vay tài sản: Hợp đồng vay tài sản (biên nhận ngày 07/5/2019, ngày 14/7/2020, ngày 23/7/2020) giữa bà Phan Thị T với ông Phạm Long C được lập thành văn bản và ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[2] Về khoản nợ vốn vay và tiền lãi:

- Vốn vay: Theo lời khai của bà T, ngày 07/5/2019 bà T có cho ông C vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 14/7/2020 bà T có cho ông C vay số tiền 100.000.000 đồng; ngày 23/7/2020 bà T có cho ông C vay số tiền 200.000.000 đồng; tổng số tiền vay 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Ông C có làm biên nhận ngày 07/5/2019, ngày 14/7/2020, ngày 23/7/2020. Tuy nhiên, cho đến nay ông C đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T theo thỏa thuận. Nay bà T yêu cầu ông C và bà T1 (vợ ông C) trả cho bà T số tiền vốn 400.000.000đ (bốn trăm năm triệu đồng).

Xét, lời trình bày của bà T phù hợp với biên nhận ngày 07/5/2019; ngày 14/7/2020; ngày 23/7/2020. Các biên nhận thể hiện: Ông Phạm Long C ngụ số B đường T - TX T có mượn của chị T2 Thuộc số tiền: 100.000.000 (một trăm triệu đồng) ngày 07/5/2019; 100.000.000 (một trăm triệu) ngày 14/7/2020, 200.000.000 (hai trăm triệu) ngày 23/7/2020. Đồng thời, kết quả xác minh tại ban khóm L, phường L, thị xã T (nay là phường L), tỉnh An Giang cung cấp ông C có căn nhà tại số B đường T, khóm L, phường L, thị xã T (nay là phường L), tỉnh An Giang và không sinh sống tại địa phương từ 02 năm nay. Như vậy, thông tin bà T cung cấp về nhân thân ông C là phù hợp và tại thời điểm ký kết hợp đồng ông C vẫn còn sinh sống tại địa phương. Trường hợp ông C thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng vay với bà T mà không thông báo cho bà T biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và trốn tránh trách nhiệm với bà T. Do đó, bà T yêu cầu ông C trả số tiền vốn vay 400.000.000 (ba trăm triệu) đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc ông Phạm Long C có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị T vốn gốc 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

[3] Về tiền lãi: Quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn yêu cầu bà Ngô Lệ T1 cùng ông Phạm Long C có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn lãi suất (đối với số tiền vay 400.000.000đ) từ ngày 25/12/2022 cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa, bà T tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc bà T yêu cầu ông Phạm Long C và bà Ngô Lệ T1 cùng liên đới trả cho bà T tiền lãi suất (đối với số tiền vay 400.000.000đ) từ ngày 25/12/2022 cho đến khi kết thúc vụ án. Hội đồng xét xử, nhận thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, đương sự tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 70 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà T yêu cầu bà Ngô Lệ T1 cùng ông Phạm Long C có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền vay 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy, các biên nhận ngày 07/5/2019, ngày 14/7/2020, ngày 23/7/2020 không thể hiện thông tin người vay tiền là bà Ngô Lệ T1. Tại phiên tòa, bà T khai bà T1 có đóng lãi cho bà T và biết khoản tiền vay của ông C. Tuy nhiên, ngoài lời khai bà T không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh bà T1 có tham gia hoặc sử dụng số tiền vay cùng ông C 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Do đó, bà T yêu cầu bà Ngô Lệ T1 cùng ông Phạm Long C có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền vay 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng là đúng thực tế, phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa.

Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát cho rằng, Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang, tỉnh An Giang chưa thu thập đầy đủ chứng cứ nên chưa có đủ cơ sở vững chắc để phát biểu về nội dung vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn bà T khởi kiện ông C, bà T1 trả tiền vay trên cơ sở biên nhận ngày 07/5/2019; ngày 14/7/2020; ngày 23/7/2020 bà T đã cung cấp bản chính các biên nhận và cung cấp chính xác địa chỉ của ông C như đã phân tích tại mục [2]. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định chung của pháp luật.

[7] Về án phí: Ông C phải chịu 20.000.000 đồng (của số tiền 400.000.000đ) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Phan Thị T, sinh năm 1962 là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí (về việc bà T yêu cầu bà Ngô Lệ T1 cùng ông Phạm Long C có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền vay 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng)) nên thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phan Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 244, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T đối với ông Phạm Long C về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản”.

Buộc Phạm Long C có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vốn gốc 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T về việc bà T yêu cầu bà Ngô Lệ T1 cùng ông Phạm Long C liên đới trả cho bà T vốn gốc 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

[3] Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T về việc bà T yêu cầu bà Ngô Lệ T1 cùng ông Phạm Long C liên đới trả cho bà T tiền lãi từ ngày 25/12/2022 cho đến khi kết thúc vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Long C phải chịu 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị T, sinh năm 1962 là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí nên thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phan Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương